

Số: **56** /QĐ-CTCP397

Mạo Khê, ngày **08** tháng **01** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

**Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026
(GT02) thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2598/QĐ-CTCP397 ngày 10/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Quyết định số 2641/QĐ-CTCP397 ngày 15/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT02) thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-CTCP397 ngày 22/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt HSMT Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT02) thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Thông báo số 2720/TB-CTCP397 ngày 22/12/2025 của Công ty cổ phần 397 “Về việc mời thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản

xuất năm 2026 (GT02) thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026”;

Căn cứ Tờ trình ngày 06/01/2026 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT02) thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 07/01/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT02) thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026.

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT02) thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026, với những nội dung sau:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, hàng hóa các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT02).

- Tên nhà thầu trúng thầu: **Công ty TNHH phát triển xây dựng và bóc xúc Trần Cường.**

- Địa chỉ: Số nhà 74, tổ 67, khu Diêm Thủy, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Mã số thuế: 5702101209

- Giá trị trúng thầu: **9.479.553.302 đồng.**

Bằng chữ: Chín tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm linh hai đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT và các thuế, phí khác theo quy định.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 355 ngày

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 415 ngày.

- Địa điểm thực hiện gói thầu: Kho vật tư, Công ty cổ phần 397 - khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu: Tổ chức đăng tải thông tin và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ trưởng Tổ chuyên gia, Tổ trưởng Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGD Huyện (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. C04.

GIÁM ĐỐC



Kiều Văn Sinh

Phụ lục
PHÊ DUYỆT KQLCNT GÓI THẦU: MUA VẬT TƯ, HÀNG HÓA CÁC LOẠI PHỤC VỤ
SẢN XUẤT NĂM 2026 (GT02)

(Kèm theo Quyết định số 53./QĐ-CTCP397 ngày 08./01./2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

TT	Danh mục vật tư	ĐVT	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước VAT (VNĐ)	Thuế VAT	Thành tiền sau VAT (VNĐ)	Năm sản xuất
1	Gỗ kê kích (500*300*300)	Chiếc	Việt Nam	40	380.000	15.200.000	8%	16.416.000	2026
2	Gỗ kê kích (500*300*200)	Chiếc	Việt Nam	40	280.000	11.200.000	8%	12.096.000	2026
3	Gỗ kê kích (500*300*150)	Chiếc	Việt Nam	40	202.500	8.100.000	8%	8.748.000	2026
4	Lốp + sảm xe nạp ni tơ 300-18 Casumina	Cái	Việt Nam	5	600.600	3.003.000	8%	3.243.240	2024-2026
5	Khóa việt tiếp gang số 8	Cái	Việt Nam	10	99.000	990.000	8%	1.069.200	2024-2026
6	Đầu nối ren ngoài ống PC-F42	Chiếc	Việt Nam	50	6.500	325.000	8%	351.000	2024-2026
7	Đầu nối ren trong ống PC-F42	Chiếc	Việt Nam	50	6.500	325.000	8%	351.000	2024-2026
8	Góc vuông PC-42	Chiếc	Việt Nam	50	13.000	650.000	8%	702.000	2024-2026
9	Keo dán ống	Lọ	Việt Nam	50	14.000	700.000	8%	756.000	2024-2026
10	Ống nhựa PC-42 C2	Mét	Việt Nam	100	107.944	10.794.400	8%	11.657.952	2024-2026
11	Đầu nối ren ngoài F 34 x 400	Chiếc	Việt Nam	50	5.000	250.000	8%	270.000	2024-2026
12	Vôi bột	Kg	Việt Nam	50000	4.000	200.000.000	8%	216.000.000	2024-2026
13	Tấm cạnh lưới gầu 600x400x30	Tấm	Việt Nam	5	5.075.000	25.375.000	8%	27.405.000	2024-2026
14	Tấm giữa lưới gầu 1890x400x30	Tấm	Việt Nam	5	14.500.000	72.500.000	8%	78.300.000	2024-2026
15	Cáp hàn 1x35 JEIL	Mét	Việt Nam	50	160.000	8.000.000	8%	8.640.000	2024-2026
16	Lọc dầu diesel 4110000589001	Cái	Trung Quốc	15	363.000	5.445.000	8%	5.880.600	2024-2026
17	Lọc dầu động cơ 4110000556209	Cái	Trung Quốc	15	220.000	3.300.000	8%	3.564.000	2024-2026
18	Lọc tách nước và để sả (4110000589019 + 4110001016004)	Bộ	Trung Quốc	15	1.000.000	15.000.000	8%	16.200.000	2024-2026
19	Ắc cồ gầu Φ 140 × 980	Cái	Việt Nam	20	9.480.000	189.600.000	8%	204.768.000	2025-2026
20	Ắc lung gầu Φ 140 × 890	Cái	Việt Nam	20	9.100.000	182.000.000	8%	196.560.000	2025-2026
21	Ắc nối cân chính phụ Φ 160 × 1050	Cái	Việt Nam	5	12.500.000	62.500.000	8%	67.500.000	2025-2026
22	Ắc chân cân Φ160× 430	Cái	Việt Nam	10	6.050.000	60.500.000	8%	65.340.000	2025-2026
23	Ắc chân xi lanh nâng cân Φ140× 280	Cái	Việt Nam	10	3.850.000	38.500.000	8%	41.580.000	2025-2026
24	Ắc Φ100×595	Cái	Việt Nam	10	3.800.000	38.000.000	8%	41.040.000	2025-2026
25	Bạc đầu cân Φ140 ×175 ×190	Cái	Việt Nam	20	5.800.000	116.000.000	8%	125.280.000	2025-2026
26	Bạc chữ H Φ140 ×160 ×160	Cái	Việt Nam	20	1.920.000	38.400.000	8%	41.472.000	2025-2026
27	Bạc nối cân chính phụ Φ160×180×145	Cái	Việt Nam	10	2.130.000	21.300.000	8%	23.004.000	2025-2026
28	Bạc nối cân chính phụ Φ160×180×180	Cái	Việt Nam	10	2.130.000	21.300.000	8%	23.004.000	2025-2026
29	Bạc chân cân chính Φ160×180×160	Cái	Việt Nam	10	2.300.000	23.000.000	8%	24.840.000	2025-2026
30	Bạc supo chân cân Φ100×180×100	Cái	Việt Nam	10	1.550.000	15.500.000	8%	16.740.000	2025-2026
31	Bạc tai gầu Φ140×170 ×100	Cái	Việt Nam	10	1.550.000	15.500.000	8%	16.740.000	2025-2026
32	Ắc đầu cân Φ130×840	Cái	Việt Nam	15	8.465.000	126.975.000	8%	137.133.000	2025-2026
33	Ắc chữ H kin Φ115×670	Cái	Việt Nam	15	6.050.000	90.750.000	8%	98.010.000	2025-2026
34	Ắc chữ H trên Φ110×670	Cái	Việt Nam	15	5.275.000	79.125.000	8%	85.455.000	2025-2026
35	Bạc đầu cân Φ130×165	Cái	Việt Nam	15	2.800.000	42.000.000	8%	45.360.000	2025-2026
36	Ắc chân cân Φ140×380	Cái	Việt Nam	10	4.550.000	45.500.000	8%	49.140.000	2025-2026
37	Ắc chân xi lanh nâng cân Φ130×280	Cái	Việt Nam	5	3.100.000	15.500.000	8%	16.740.000	2025-2026
38	Ắc nối cân chính phụ Φ140×840	Cái	Việt Nam	10	8.650.000	86.500.000	8%	93.420.000	2025-2026
39	Bạc chữ H Φ110×125×120	Cái	Việt Nam	10	1.260.000	12.600.000	8%	13.608.000	2025-2026
40	Bạc chữ H Φ115×130×125	Cái	Việt Nam	10	1.260.000	12.600.000	8%	13.608.000	2025-2026
41	Bạc nối cân Φ140×160×132	Cái	Việt Nam	10	1.840.000	18.400.000	8%	19.872.000	2025-2026
42	Bạc chân cân Φ140×160×140	Cái	Việt Nam	10	1.940.000	19.400.000	8%	20.952.000	2025-2026
43	Ắc đầu cân Φ100×640	Cái	Việt Nam	5	2.810.000	14.050.000	8%	15.174.000	2025-2026
44	Ắc chữ H Φ100×640	Cái	Việt Nam	5	2.610.000	13.050.000	8%	14.094.000	2025-2026
45	Ắc nối cân chính phụ Φ120×700	Cái	Việt Nam	5	5.800.000	29.000.000	8%	31.320.000	2025-2026
46	Ắc chân cân Φ120×1010	Cái	Việt Nam	5	8.175.000	40.875.000	8%	44.145.000	2025-2026
47	Ắc chân ty nâng cân Φ100× 230	Cái	Việt Nam	5	1.550.000	7.750.000	8%	8.370.000	2025-2026
48	Bạc đầu cân Φ100×130×100	Cái	Việt Nam	5	1.550.000	7.750.000	8%	8.370.000	2025-2026
49	Bạc chữ H Φ100×115×100	Cái	Việt Nam	5	920.000	4.600.000	8%	4.968.000	2025-2026
50	Bạc nối cân chính phụ Φ120×135×120	Cái	Việt Nam	5	1.530.000	7.650.000	8%	8.262.000	2025-2026
51	Bạc chân cân Φ120×130×160	Cái	Việt Nam	5	1.840.000	9.200.000	8%	9.936.000	2025-2026
52	Cây inox 304 (V)	Kg	Việt Nam	250	110.000	27.500.000	8%	29.700.000	2026
53	Súng vặn bu lông 1/2 inch air impact Wrench	Cái	Trung Quốc	5	3.822.000	19.110.000	8%	20.638.800	2025-2026
54	Dây bơm lốp Φ10	Mét	Việt Nam	200	21.000	4.200.000	8%	4.536.000	2024-2026
55	Cáp cầu thép F12 xe cầu	Mét	Việt Nam	240	259.000	62.160.000	10%	68.376.000	2024-2026
56	Túyp khẩu bắn súng 55	Cái	Trung Quốc	10	1.183.000	11.830.000	8%	12.776.400	2024-2026
57	Súng vọt ống thép phi 21 v=1.0MS	Cái	Việt Nam	5	2.272.200	11.361.000	8%	12.269.880	2025-2026
58	Đồng hồ đo điện van năng	Cái	Việt Nam	5	3.194.000	15.970.000	8%	17.247.600	2025-2026
59	Bếp hàn Mic 1,2	Cái	Trung Quốc	300	89.000	26.700.000	8%	28.836.000	2024-2026
60	Chụp khí hàn Mic	Cái	Việt Nam	300	153.000	45.900.000	8%	49.572.000	2024-2026
61	Chở bơm nước đồng F34	Cái	Việt Nam	10	756.000	7.560.000	8%	8.164.800	2024-2026
62	Phao nước cơ F42	Cái	Việt Nam	5	2.583.000	12.915.000	8%	13.948.200	2024-2026
63	Khóa nước đồng F34	Chiếc	Việt Nam	10	783.000	7.830.000	8%	8.456.400	2024-2026
64	Cần Φ 115x175	Cái	Việt Nam	70	97.000	6.790.000	8%	7.333.200	2024-2026
65	Phốt chắn mỡ 130x150	Cái	Việt Nam	70	105.000	7.350.000	8%	7.938.000	2024-2026
66	Cần Φ 130x3+5	Cái	Việt Nam	70	217.500	15.225.000	8%	16.443.000	2024-2026
67	Chấn mỡ Φ115	Cái	Việt Nam	70	87.000	6.090.000	8%	6.577.200	2024-2026

68	Phốt chấn mở 115x142	Cái	Việt Nam	70	87.000	6.090.000	8%	6.577.200	2024-2026
69	Bulong M18x120 (10.9)	Cái	Việt Nam	100	43.500	4.350.000	8%	4.698.000	2024-2026
70	Hóa Chất Polymer anion (PAM)	kg	Trung Quốc	5500	85.000	467.500.000	8%	504.900.000	2025-2026
71	Hóa Chất Poly aluminium chloride (PAC)	kg	Trung Quốc	6000	12.500	75.000.000	8%	81.000.000	2025-2026
72	Bu lông M8L40 (8.8)	Bộ	Việt Nam	500	5.000	2.500.000	8%	2.700.000	2024-2026
73	Bu lông M30L420 (10.9)	Bộ	Việt Nam	50	350.000	17.500.000	8%	18.900.000	2024-2026
74	Bu lông M30L250 (10.9)	Bộ	Việt Nam	50	218.000	10.900.000	8%	11.772.000	2024-2026
75	Bu lông M27L380 (10.9)	Bộ	Việt Nam	50	250.000	12.500.000	8%	13.500.000	2024-2026
76	Bu lông M27L200 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	120.000	12.000.000	8%	12.960.000	2024-2026
77	Bu lông M27L100 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	60.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
78	Bu lông M24L80 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	50.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
79	Bu lông M24L100 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	54.000	5.400.000	8%	5.832.000	2024-2026
80	Bu lông M22L220 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	95.000	9.500.000	8%	10.260.000	2024-2026
81	Bu lông M22L120 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	48.000	4.800.000	8%	5.184.000	2024-2026
82	Bu lông M20L70 (10.9)	Bộ	Việt Nam	200	32.000	6.400.000	8%	6.912.000	2024-2026
83	Bu lông M20L150 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	50.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
84	Bu lông M20L100 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	35.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
85	Bu lông M18L90 (10.9)	Bộ	Việt Nam	200	34.000	6.800.000	8%	7.344.000	2024-2026
86	Bu lông M18L250 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	62.000	6.200.000	8%	6.696.000	2024-2026
87	Bu lông M18L150(10.9)	Bộ	Việt Nam	500	45.000	22.500.000	8%	24.300.000	2024-2026
88	Bu lông M18L120 (8.8)	Bộ	Việt Nam	500	40.000	20.000.000	8%	21.600.000	2024-2026
89	Bu lông M16L80 (10.9)	Bộ	Việt Nam	500	20.000	10.000.000	8%	10.800.000	2024-2026
90	Bu lông M16L50 (10.9)	Bộ	Việt Nam	500	34.000	17.000.000	8%	18.360.000	2024-2026
91	Bu lông M16L150 (10.9)	Bộ	Việt Nam	500	44.000	22.000.000	8%	23.760.000	2024-2026
92	Bu lông M16L120 (10.9)	Bộ	Việt Nam	300	36.000	10.800.000	8%	11.664.000	2024-2026
93	Bu lông M16L100 (10.9)	Bộ	Việt Nam	300	28.800	8.640.000	8%	9.331.200	2024-2026
94	Bu lông M14L80 (8.8)	Bộ	Việt Nam	500	15.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
95	Bu lông M14L40 (8.8)	Bộ	Việt Nam	500	12.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
96	Bu lông M14L250 (10.9)	Bộ	Việt Nam	100	75.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
97	Bu lông M12L80 (8.8)	Bộ	Việt Nam	200	11.000	2.200.000	8%	2.376.000	2024-2026
98	Bu lông M12L50 (8.8)	Bộ	Việt Nam	400	12.000	4.800.000	8%	5.184.000	2024-2026
99	Bu lông M12L200 (10.9)	Bộ	Việt Nam	150	60.000	9.000.000	8%	9.720.000	2024-2026
100	Bu lông M12L120 (8.8)	Bộ	Việt Nam	300	20.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
101	Bu lông M10x150 (8.8)	Bộ	Việt Nam	300	24.000	7.200.000	8%	7.776.000	2024-2026
102	Bu lông M10L80 (8.8)	Bộ	Việt Nam	500	13.980	6.990.000	8%	7.549.200	2024-2026
103	Bu lông M10L40 (8.8)	Bộ	Việt Nam	500	5.200	2.600.000	8%	2.808.000	2024-2026
104	Bu lông M10L100 (8.8)	Bộ	Việt Nam	100	20.000	2.000.000	8%	2.160.000	2024-2026
105	Bu lông cây M20L120	Bộ	Việt Nam	50	80.000	4.000.000	8%	4.320.000	2024-2026
106	Bu lông cây M16L60	Bộ	Việt Nam	300	31.000	9.300.000	8%	10.044.000	2024-2026
107	Bu lông M19L70	Bộ	Việt Nam	300	14.000	4.200.000	8%	4.536.000	2024-2026
108	Bulong M20x100	Bộ	Việt Nam	100	44.000	4.400.000	8%	4.752.000	2024-2026
109	Bulong M20x110	Bộ	Việt Nam	100	46.000	4.600.000	8%	4.968.000	2024-2026
110	Bulong M20x220	Bộ	Việt Nam	100	56.000	5.600.000	8%	6.048.000	2024-2026
111	Bulong M27x370	Bộ	Việt Nam	50	122.000	6.100.000	8%	6.588.000	2024-2026
112	Bu lông M24L80	Bộ	Việt Nam	200	55.000	11.000.000	8%	11.880.000	2024-2026
113	Bulong lục giác M60L50	Bộ	Việt Nam	100	40.000	4.000.000	8%	4.320.000	2024-2026
114	Bu lông các đấng M16	Bộ	Việt Nam	200	25.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
115	Bu lông các đấng M14	Bộ	Việt Nam	200	17.000	3.400.000	8%	3.672.000	2024-2026
116	Quai nhê thường Φ30	Cái	V.Nam	50	22.500	1.125.000	8%	1.215.000	2024-2026
117	Quai nhê thường Φ15	Cái	V.Nam	50	10.500	525.000	8%	567.000	2024-2026
118	Quai nhê thường Φ10-12	Cái	V.Nam	50	8.000	400.000	8%	432.000	2024-2026
119	Quai nhê thường Φ25	Cái	V.Nam	50	12.500	625.000	8%	675.000	2024-2026
120	Quai nhê thường Φ40	Cái	V.Nam	50	32.000	1.600.000	8%	1.728.000	2024-2026
121	Quai nhê thường Φ50	Cái	V.Nam	50	38.000	1.900.000	8%	2.052.000	2024-2026
122	Quai nhê thường Φ55	Cái	V.Nam	50	42.000	2.100.000	8%	2.268.000	2024-2026
123	Quai nhê thường Φ65	Cái	V.Nam	50	44.000	2.200.000	8%	2.376.000	2024-2026
124	Quai nhê thường Φ80	Cái	V.Nam	50	56.000	2.800.000	8%	3.024.000	2024-2026
125	Quai nhê thường Φ90	Cái	V.Nam	50	60.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
126	Quai nhê thường Φ95	Cái	V.Nam	50	62.000	3.100.000	8%	3.348.000	2024-2026
127	Quai nhê thường Φ85	Cái	V.Nam	50	59.000	2.950.000	8%	3.186.000	2024-2026
128	Quai nhê inox Φ75	Cái	V.Nam	50	52.000	2.600.000	8%	2.808.000	2024-2026
129	Quai nhê inox Φ60	Cái	V.Nam	50	40.000	2.000.000	8%	2.160.000	2024-2026
130	Quai nhê inox Φ45	Cái	V.Nam	50	36.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
131	Quai nhê inox Φ35	Cái	V.Nam	50	34.600	1.730.000	8%	1.868.400	2024-2026
132	Quai nhê inox Φ120	Cái	V.Nam	50	60.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
133	Quai nhê inox Φ100	Cái	V.Nam	50	55.000	2.750.000	8%	2.970.000	2024-2026
134	Quai nhê inox Ø110	Cái	V.Nam	50	56.250	2.812.500	8%	3.037.500	2024-2026
135	Quai nhê inox Ø115	Cái	V.Nam	50	58.600	2.930.000	8%	3.164.400	2024-2026
136	Quai nhê bán to 120	Cái	V.Nam	50	60.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
137	Quai nhê bán to 100-160	Cái	V.Nam	50	55.000	2.750.000	8%	2.970.000	2024-2026
138	Phốt Chấn khí thủy lực 85x100x9	Cái	V.Nam	50	950.000	47.500.000	8%	51.300.000	2024-2026
139	Xềng + cán gỗ	Chiếc	V.Nam	30	88.000	2.640.000	8%	2.851.200	2024-2026
140	Vú mỡ cong	Cái	V.Nam	500	8.000	4.000.000	8%	4.320.000	2024-2026
141	Vú mỡ thẳng	Cái	V.Nam	1000	8.000	8.000.000	8%	8.640.000	2024-2026
142	Vú mỡ chéch	Cái	V.Nam	500	8.000	4.000.000	8%	4.320.000	2024-2026
143	Vòng bi 6305	Cái	Việt Nam	20	336.000	6.720.000	8%	7.257.600	2024-2026
144	Vòng bi,bạc đạn 6206	Cái	Việt Nam	20	264.000	5.280.000	8%	5.702.400	2024-2026
145	Vòi bơm mỡ	Cái	Việt Nam	150	55.000	8.250.000	8%	8.910.000	2024-2026
146	Thước dây L=30m	Cái	Trung Quốc	30	120.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
147	Thước dây L=20m	Cái	Trung Quốc	30	100.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026

148	Thước cặp điện tử L300 Guaglu	Cái	Trung Quốc	5	2.288.000	11.440.000	8%	12.355.200	2024-2026
149	Ty ô nhựa Φ8	Mét	Việt Nam	200	25.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
150	Ty ô nhựa Φ10	Mét	Việt Nam	200	40.000	8.000.000	8%	8.640.000	2024-2026
151	Ty ô nhựa trắng Φ8	Mét	Việt Nam	50	25.000	1.250.000	8%	1.350.000	2024-2026
152	Ty ô nhựa Φ6	Mét	Việt Nam	200	12.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
153	Ty ô máy lạnh Φ22	Mét	Việt Nam	200	160.000	32.000.000	8%	34.560.000	2024-2026
154	Ty ô hơi Φ12	Mét	Việt Nam	100	40.000	4.000.000	8%	4.320.000	2024-2026
155	Ty ô cao su Φ27	Mét	Việt Nam	100	170.000	17.000.000	8%	18.360.000	2024-2026
156	Ty ô cao su Φ22	Mét	Việt Nam	100	160.000	16.000.000	8%	17.280.000	2024-2026
157	Ty ô cao su chịu áp lực Φ25	Mét	Việt Nam	50	250.000	12.500.000	8%	13.500.000	2024-2026
158	Túi nylon (màu đen loại dày 10 kg)	Kg	Việt Nam	1500	55.000	82.500.000	8%	89.100.000	2024-2026
159	Nước rửa giàn máy lạnh 400ml	Lọ	Trung Quốc	100	70.000	7.000.000	8%	7.560.000	2024-2026
160	Nước cất	lít	Việt Nam	2000	12.000	24.000.000	8%	25.920.000	2024-2026
161	Bìa rom	Tờ	Việt Nam	30	120.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
162	Bìa a mi ăng 1mm	Tờ	Việt Nam	30	280.500	8.415.000	8%	9.088.200	2024-2026
163	Vòng bi,bạc đạn 6208.2RSCM	Vòng	Việt Nam	15	416.000	6.240.000	8%	6.739.200	2024-2026
164	Bec inox chính góc phun 1mm	Cái	Việt Nam	300	98.000	29.400.000	8%	31.752.000	2024-2026
165	Bếp cắt	Cái	Trung Quốc	300	125.000	37.500.000	8%	40.500.000	2024-2026
166	Băng tan	Cuộn	Việt Nam	500	12.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
167	Băng dính cách điện PVC	Cuộn	Việt Nam	1000	12.000	12.000.000	8%	12.960.000	2024-2026
168	Bóng đèn 24V-21W	Chiếc	Việt Nam	250	20.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
169	Bóng đèn 24V-10W	Chiếc	Việt Nam	250	15.000	3.750.000	8%	4.050.000	2024-2026
170	Bóng đèn H3 - 24V	Chiếc	Trung Quốc	200	45.000	9.000.000	8%	9.720.000	2024-2026
171	Bóng đèn H4 -24 V	Chiếc	Trung Quốc	200	65.000	13.000.000	8%	14.040.000	2024-2026
172	Bóng đèn tuýp LED Rạng Đông (MĐ) 1.2 m 120.40W	Chiếc	Việt Nam	50	240.000	12.000.000	8%	12.960.000	2024-2026
173	Bóng LED Rạng Đông Trụ TR100N1/30W	Chiếc	Việt Nam	50	210.000	10.500.000	8%	11.340.000	2024-2026
174	Bóng LED Rạng Đông Tròn A95N1/ 20W	Chiếc	Việt Nam	50	165.000	8.250.000	8%	8.910.000	2024-2026
175	Bóng đèn H7-24V	Chiếc	Việt Nam	200	80.000	16.000.000	8%	17.280.000	2024-2026
176	Bơm mỡ tay nhồi Yeti 900 CC	Chiếc	Trung Quốc	300	420.000	126.000.000	8%	136.080.000	2024-2026
177	Dây cáp nhôm TACHIKO vận xoắn 4x10 AL-XLPE	Mét	Việt Nam	1500	63.000	94.500.000	10%	103.950.000	2024-2026
178	Cầu chì 10A -24V	Cái	Trung Quốc	500	7.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
179	Cầu chì 20A-24V	Cái	Trung Quốc	500	7.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
180	Cầu chì 15A-24V	Cái	Trung Quốc	500	7.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
181	Dây cáp điện 3 pha 3Cx2.5+1Cx1.5	Mét	Việt Nam	50	81.875	4.093.750	8%	4.421.250	2024-2026
182	Dây cáp điện 3 pha Cxv 3x 16+1Cx10	Mét	Việt Nam	50	249.600	12.480.000	8%	13.478.400	2024-2026
183	Dây cáp điện 2 lõi Cadivi CXV-2x6	Mét	Việt Nam	50	81.600	4.080.000	8%	4.406.400	2024-2026
184	Dây Cáp CADISUN đen CXV/7S 2x4	Mét	Việt Nam	50	56.160	2.808.000	8%	3.032.640	2024-2026
185	Dây Cáp Điện Cadivi Xanh XLPE PVC CXV- 2x10	Mét	Việt Nam	50	93.500	4.675.000	8%	5.049.000	2024-2026
186	Cút nối nhanh Φ8	Cái	Việt Nam	300	16.200	4.860.000	8%	5.248.800	2024-2026
187	Cút nối nhanh Φ6	Cái	Việt Nam	300	10.800	3.240.000	8%	3.499.200	2024-2026
188	Cút nối nhanh Φ12	Cái	Việt Nam	300	20.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
189	Cút nối nhanh Φ10	Cái	Việt Nam	300	20.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
190	Công tắc điện	Chiếc	Việt Nam	50	45.000	2.250.000	8%	2.430.000	2024-2026
191	Đầu châu bơm mỡ	Chiếc	Việt Nam	200	75.000	15.000.000	8%	16.200.000	2024-2026
192	Đầu bọp bình ắc quy đồng	Chiếc	Việt Nam	200	27.000	5.400.000	8%	5.832.000	2024-2026
193	Đá mài Bavias Cn 100.6.16	Viên	Việt Nam	300	25.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
194	Đá cắt Cn 100.1.5.16	Viên	Việt Nam	300	16.000	4.800.000	8%	5.184.000	2024-2026
195	Đá cắt Cn 355.3.25.4	Viên	Việt Nam	300	55.000	16.500.000	8%	17.820.000	2024-2026
196	Dung môi pha sơn	Lít	Việt Nam	200	65.000	13.000.000	8%	14.040.000	2024-2026
197	Dây điện CADISUN đôi mềm VCTFK 2x4.0	Mét	Việt Nam	1000	45.543	45.543.000	8%	49.186.440	2024-2026
198	Dây điện CADISUN đôi mềm VCTFK 2x2.5	Mét	Việt Nam	1000	28.763	28.763.000	8%	31.064.040	2024-2026
199	Dây điện CADISUN đôi mềm VCTFK 2x1.5	Mét	Việt Nam	1000	22.000	22.000.000	8%	23.760.000	2024-2026
200	Dây điện CADISUN đơn mềm VCTFK 1x1.5	Mét	Việt Nam	1000	11.000	11.000.000	8%	11.880.000	2024-2026
201	Dây điện TAESUNG đôi mềm 2x6.0	Mét	Việt Nam	1000	98.175	98.175.000	8%	106.029.000	2024-2026
202	Dây hàn lõi thuốc HUYNDAI SF-71T 1.2mm	KG	Việt Nam	3000	63.000	189.000.000	8%	204.120.000	2024-2026
203	Que hàn Kim Tin KT421 D2.5	KG	Việt Nam	300	39.000	11.700.000	8%	12.636.000	2024-2026
204	Que hàn Kim Tin KT421 D3.2	KG	Việt Nam	500	39.000	19.500.000	8%	21.060.000	2024-2026
205	Que hàn Kim Tin KT421 D4.0	KG	Việt Nam	500	39.000	19.500.000	8%	21.060.000	2024-2026
206	Que hàn đồng loại tròn	KG	Việt Nam	20	638.000	12.760.000	8%	13.780.800	2024-2026
207	Que hàn Kiswel K-7018 D4.0	KG	Malaysia	500	72.000	36.000.000	8%	38.880.000	2024-2026
208	Đèn chiếu pha năng lượng 300W	Chiếc	Việt Nam	15	3.640.000	54.600.000	8%	58.968.000	2024-2026
209	Đèn pha LED 500w-TLCB	Chiếc	Việt Nam	10	4.200.000	42.000.000	8%	45.360.000	2024-2026
210	Đèn pin đội đầu	Chiếc	Việt Nam	200	270.000	54.000.000	8%	58.320.000	2024-2026
211	Bóng LED Rạng Đông Trụ TR140N1/50W	Chiếc	Việt Nam	50	241.000	12.050.000	8%	13.014.000	2024-2026
212	Đèn chiếu rọi ELC1026/100W- 100A	Chiếc	Việt Nam	30	1.200.000	36.000.000	8%	38.880.000	2024-2026
213	Đèn báo có còi 9V	Chiếc	Việt Nam	10	210.000	2.100.000	8%	2.268.000	2024-2026
214	Đinh vít bản tôn (4cm)	Túi	Việt Nam	20	120.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
215	Đinh vít bản tôn (5cm)	Túi	Việt Nam	20	135.000	2.700.000	8%	2.916.000	2024-2026
216	Đinh vít bản tôn (6cm)	Túi	Việt Nam	20	145.000	2.900.000	8%	3.132.000	2024-2026
217	Đinh tán Φ8	cái	Việt Nam	50	2.500	125.000	8%	135.000	2024-2026
218	Ghệt lớp lớp	Chiếc	Việt Nam	70	75.000	5.250.000	8%	5.670.000	2024-2026
219	Dây Cáp Nhôm TACHIKO vận xoắn 2x16 AL/XLPE	mét	Việt Nam	2000	35.000	70.000.000	10%	77.000.000	2024-2026
220	Đầu RP7	lọ	Việt Nam	500	75.000	37.500.000	8%	40.500.000	2024-2026
221	Đầu phanh DOT3	lọ	Việt Nam	200	70.000	14.000.000	8%	15.120.000	2024-2026
222	Chổi quét sơn (loại nhỏ)	Cái	Việt Nam	70	15.000	1.050.000	8%	1.134.000	2024-2026
223	Chổi đánh ri	Cái	Việt Nam	70	45.000	3.150.000	8%	3.402.000	2024-2026
224	Ga (gas cắt)	Kg	Việt nam	1500	50.000	75.000.000	8%	81.000.000	2024-2026
225	Keo 502 100ml	lọ	Việt nam	50	60.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026

226	Giẻ lau	Kg	Việt nam	3000	15.000	45.000.000	8%	48.600.000	2024-2026
227	Búa tay 3 kg	Chiếc	Việt nam	10	180.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
228	Búa tay 1 kg	Chiếc	Việt nam	10	88.000	880.000	8%	950.400	2024-2026
229	Kính hàn	Miếng	Việt nam	100	25.000	2.500.000	8%	2.700.000	2024-2026
230	Kẹp kéo cáp 4x16	Chiếc	Việt nam	150	57.000	8.550.000	8%	9.234.000	2024-2026
231	Cầu chì 30A-24 V	Chiếc	Trung Quốc	300	10.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
232	Keo silicon A500	Tuýp	Việt nam	30	62.500	1.875.000	8%	2.025.000	2024-2026
233	Keo dán TP 50g	Tuýp	Việt nam	100	60.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
234	Keo gắn gioăng	Tuýp	Trung Quốc	200	45.000	9.000.000	8%	9.720.000	2024-2026
235	Keo dán nhựa PC 50g	Tuýp	Việt nam	100	45.000	4.500.000	8%	4.860.000	2024-2026
236	Keo 2 thành phần	Bộ	Trung Quốc	200	70.000	14.000.000	8%	15.120.000	2024-2026
237	Khóa Việt Tiếp 10	Chiếc	Việt Nam	50	100.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
238	Mỏ hàn súng	Chiếc	Việt Nam	50	200.000	10.000.000	8%	10.800.000	2024-2026
239	Giấy giáp thô	Tờ	Việt Nam	300	14.400	4.320.000	8%	4.665.600	2024-2026
240	Giấy giáp mịn	Tờ	Việt Nam	300	14.400	4.320.000	8%	4.665.600	2024-2026
241	Giắc cắm rơ le 5 chân	Chiếc	Việt Nam	150	40.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
242	Giắc cắm cầu chì	Chiếc	Trung Quốc	150	37.000	5.550.000	8%	5.994.000	2024-2026
243	Đui đèn 24V	Chiếc	Việt Nam	50	30.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026
244	Đui điện E27	Chiếc	Việt Nam	50	15.000	750.000	8%	810.000	2024-2026
245	Dây cu roa máy phát 8540	Chiếc	Trung Quốc	15	130.000	1.950.000	8%	2.106.000	2024-2026
246	Dây cu roa máy phát A39	Chiếc	Việt Nam	15	70.000	1.050.000	8%	1.134.000	2024-2026
247	Dây cu roa động cơ 8610	Chiếc	Trung Quốc	15	165.000	2.475.000	8%	2.673.000	2024-2026
248	Dây cu roa 1365	Chiếc	Trung Quốc	15	610.000	9.150.000	8%	9.882.000	2024-2026
249	Dây cu roa CMF8540	Chiếc	Trung Quốc	5	130.000	650.000	8%	702.000	2024-2026
250	Dây Cáp Điện Cu/XLPE/PVC CXV-4x2.5	Mét	Việt Nam	50	59.500	2.975.000	8%	3.213.000	2024-2026
251	Dây ami ăng phi 14 (Dây tết mỡ)	Kg	Việt Nam	80	185.000	14.800.000	8%	15.984.000	2024-2026
252	Cưa sắt	Chiếc	Việt Nam	15	60.000	900.000	8%	972.000	2024-2026
253	Cút thép SCH40 DN300	Cái	Việt Nam	3	4.785.000	14.355.000	8%	15.503.400	2024-2026
254	Cút nối nhanh Φ4	Cái	Việt Nam	200	6.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2026
255	Tuýp khâu 1/2 Φ17	Cái	Việt Nam	50	45.000	2.250.000	8%	2.430.000	2024-2026
256	Cổ xoay đơn Φ25	Cái	Trung Quốc	5	540.000	2.700.000	8%	2.916.000	2024-2026
257	Bút xông còi hơi 24V	Cái	Việt Nam	5	280.500	1.402.500	8%	1.514.700	2024-2026
258	Máy mài tay dùng pin	Cái	Việt Nam	5	4.100.000	20.500.000	8%	22.140.000	2024-2026
259	Rọ gang DN300	Cái	Việt Nam	5	6.200.000	31.000.000	8%	33.480.000	2024-2026
260	Rọ đồng MIHA ĐK32	Cái	Việt Nam	5	670.000	3.350.000	8%	3.618.000	2024-2026
261	Khóa + dây đai INOX	Bộ	Việt Nam	200	30.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
262	Khóa cửa nắm tròn	Bộ	Việt Nam	5	305.000	1.525.000	8%	1.647.000	2024-2026
263	Ố 2 chấu S68GU	Cái	Việt Nam	10	18.000	180.000	8%	194.400	2024-2026
264	Súng bơm xăng dầu AILE, model: 120L	Cái	Việt Nam	5	2.210.000	11.050.000	8%	11.934.000	2024-2026
265	Khởi động từ 3 pha MC32A/220V	Cái	Việt Nam	10	1.006.000	10.060.000	8%	10.864.800	2024-2026
266	Attomat chống dò và quá tải EBN 53C50A 30mA	Cái	Việt Nam	10	1.650.000	16.500.000	8%	17.820.000	2024-2026
267	Attomat chống dò và quá tải EBN 53C30A 30mA	Cái	Việt Nam	10	1.445.000	14.450.000	8%	15.606.000	2024-2026
268	Attomat chống rò điện 2 pha EBS 52 Fb 50A 30mA	Cái	Việt Nam	20	936.000	18.720.000	8%	20.217.600	2024-2026
269	Át tô mát chống rò điện và quá tải ABN 103C 100A 22kA	Cái	Việt Nam	10	1.120.000	11.200.000	8%	12.096.000	2024-2026
270	Bảng điện đôi	Cái	Việt Nam	15	143.000	2.145.000	8%	2.316.600	2024-2026
271	Kim điện	Chiếc	Việt Nam	20	95.000	1.900.000	8%	2.052.000	2024-2026
272	Miếng và sãm tech 13	Miếng	Trung Quốc	100	17.000	1.700.000	8%	1.836.000	2024-2026
273	Móc cột	Cái	Việt Nam	200	30.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
274	Đai cột	Cái	Việt Nam	200	10.000	2.000.000	8%	2.160.000	2024-2026
275	Khóa đai	Cái	Việt Nam	200	10.000	2.000.000	8%	2.160.000	2024-2026
276	Bóng đèn CFL-4UT5 50W H8 E27	Cái	Việt Nam	10	210.000	2.100.000	8%	2.268.000	2024-2026
277	Chụp bóng đèn đường TKLV710029/30	Cái	Việt Nam	10	380.000	3.800.000	8%	4.104.000	2024-2026
278	Mặt bích sắt D315	Cái	Việt Nam	10	700.000	7.000.000	8%	7.560.000	2024-2026
279	Mặt bích HDPE D315-PN	Cái	Việt Nam	10	770.000	7.700.000	8%	8.316.000	2024-2026
280	Mang ranh máy khoan tay	Cái	Việt Nam	10	280.000	2.800.000	8%	3.024.000	2024-2026
281	Mang ranh 5-20	Cái	Việt Nam	10	750.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
282	Mang ranh 3-16	Cái	Việt Nam	10	560.000	5.600.000	8%	6.048.000	2024-2026
283	Mã Lý Φ18	Cái	Việt Nam	50	55.000	2.750.000	8%	2.970.000	2024-2026
284	Mã Lý Φ34	Cái	Việt Nam	50	279.000	13.950.000	8%	15.066.000	2024-2026
285	Khớp nối nhôm Φ100	Cái	Việt Nam	50	265.000	13.250.000	10%	14.575.000	2024-2026
286	Hộp gioăng ty ô máy lạnh	Hộp	Việt Nam	10	320.000	3.200.000	8%	3.456.000	2024-2026
287	Hộp chứa át 8-12 át E4FC 8/12 LA	Cái	Việt Nam	5	425.000	2.125.000	8%	2.295.000	2024-2026
288	Giáp nối nhôm Φ185	Cái	Việt Nam	100	45.000	4.500.000	10%	4.950.000	2024-2026
289	Đồng hồ so 0- 10mm/0.01 (2046A)	Cái	Việt Nam	5	1.010.000	5.050.000	8%	5.454.000	2024-2026
290	Lục giác Φ 6	Cái	Việt Nam	6	32.000	192.000	8%	207.360	2024-2026
291	Van cửa đồng VIWA 32Pn 10	Cái	Việt Nam	20	425.000	8.500.000	8%	9.180.000	2024-2026
292	Đầu cút ty ô máy lạnh Φ22	Cái	Việt Nam	300	45.000	13.500.000	8%	14.580.000	2024-2026
293	Đầu cút nhôm Φ185	Cái	Việt Nam	100	60.000	6.000.000	10%	6.600.000	2024-2026
294	Đầu cút đồng nhôm Φ95	Cái	Việt Nam	100	50.000	5.000.000	10%	5.500.000	2024-2026
295	Đầu cút đồng Φ70	Cái	Việt Nam	100	70.000	7.000.000	10%	7.700.000	2024-2026
296	Đầu cút đồng Φ120	Cái	Việt Nam	100	88.000	8.800.000	10%	9.680.000	2024-2026
297	Măng sồng HDPE Tiên Phong D63	Cái	Việt Nam	30	15.000	450.000	8%	486.000	2024-2026
298	Nối RN HDPE 32x1	Cái	Việt Nam	30	14.000	420.000	8%	453.600	2024-2026
299	Cút PVC Dismy D60	Cái	Việt Nam	30	25.000	750.000	8%	810.000	2024-2026
300	Cút PVC Dismy D90	Cái	Việt Nam	30	28.000	840.000	8%	907.200	2024-2026
301	Măng sồng PVC Dismy D21	Cái	Việt Nam	30	12.000	360.000	8%	388.800	2024-2026

302	Máng sông PVC Dismy D60	Cái	Việt Nam	30	15.000	450.000	8%	486.000	2024-2026
303	Máng sông PVC Dismy D90	Cái	Việt Nam	30	19.600	588.000	8%	635.040	2024-2026
304	Van PVC Dismy D27 tay xanh dương	Cái	Việt Nam	30	31.200	936.000	8%	1.010.880	2024-2026
305	Van PVC Dismy D48 tay xanh dương	Cái	Việt Nam	30	88.400	2.652.000	8%	2.864.160	2024-2026
306	Ren ngoài PVC Dismy D21	Cái	Việt Nam	30	65.000	1.950.000	8%	2.106.000	2024-2026
307	Bóng LED Rạng Đông Tròn A95N1/ 20W.H (A/S trắng)	Cái	Việt Nam	30	193.700	5.811.000	8%	6.275.880	2024-2026
308	Tủ Điện E4FC 8/12LA	Cái	Việt Nam	10	360.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
309	Ổng PVC Dismy D60C3	Mét	Việt Nam	30	45.000	1.350.000	8%	1.458.000	2024-2026
310	Ổng PVC Dismy D27C3	Mét	Việt Nam	30	22.000	660.000	8%	712.800	2024-2026
311	Ổng PVC Dismy D90C3	Mét	Việt Nam	30	81.200	2.436.000	8%	2.630.880	2024-2026
312	Ổng PVC Dismy D21C2	Mét	Việt Nam	30	12.000	360.000	8%	388.800	2024-2026
313	Ổng PE80 Tiên Phong 32 x2,0 PN8	Mét	Việt Nam	30	240.000	7.200.000	8%	7.776.000	2024-2026
314	Ren Trong PVC Dismy D27	Cái	Việt Nam	50	70.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
315	Tăng đơ Φ12	Cái	Việt Nam	30	50.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026
316	Kẹp kéo dây 4x185	Cái	Việt Nam	200	70.000	14.000.000	8%	15.120.000	2024-2026
317	Đầu cốt đồng Φ185	Cái	Việt Nam	200	72.000	14.400.000	10%	15.840.000	2024-2026
318	Cút nối nhanh Φ8 3 chạc chữ T	Cái	Việt Nam	200	20.000	4.000.000	8%	4.320.000	2024-2026
319	Bơm treo dây Φ185	Cái	Việt Nam	200	50.000	10.000.000	8%	10.800.000	2024-2026
320	Cút nối nhanh Φ6 3 chạc chữ T	Cái	Việt Nam	200	15.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
321	Cọc kẹp kéo cáp Φ10	Cái	Việt Nam	100	14.000	1.400.000	8%	1.512.000	2024-2026
322	Máy mài xăm	Bộ	Trung quốc	5	700.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
323	Tay tuýp 3/4	Cái	Trung quốc	20	520.000	10.400.000	8%	11.232.000	2024-2026
324	Bộ hơi D30	Bộ	Trung quốc	3	1.890.000	5.670.000	8%	6.123.600	2024-2026
325	Bạc biên D30	Bộ	Trung quốc	3	84.000	252.000	8%	272.160	2024-2026
326	Gioăng quy lát D30	Cái	Trung quốc	3	70.000	210.000	8%	226.800	2024-2026
327	Tổng bơm cao áp D30	Cái	Trung quốc	3	532.000	1.596.000	8%	1.723.680	2024-2026
328	Cụm kim D30	Cái	Trung quốc	3	476.000	1.428.000	8%	1.542.240	2024-2026
329	Bơm nhớt D30	Cái	Trung quốc	3	280.000	840.000	8%	907.200	2024-2026
330	Bộ hơi D32	Bộ	Trung quốc	3	2.030.000	6.090.000	8%	6.577.200	2024-2026
331	Bạc biên D32	Bộ	Trung quốc	3	83.000	249.000	8%	268.920	2024-2026
332	Gioăng Quy lát D32	Cái	Trung quốc	3	84.000	252.000	8%	272.160	2024-2026
333	Tổng bơm cao áp D32	Cái	Trung quốc	3	532.000	1.596.000	8%	1.723.680	2024-2026
334	Cụm kim D32	Cái	Trung quốc	3	476.000	1.428.000	8%	1.542.240	2024-2026
335	Bơm nhớt D32	Cái	Trung quốc	3	280.000	840.000	8%	907.200	2024-2026
336	Moto máy khoan	Cái	Trung quốc	3	391.000	1.173.000	8%	1.266.840	2024-2026
337	Dây nông lạnh 2 đầu	Cái	Việt Nam	3	117.000	351.000	8%	379.080	2024-2026
338	Dây thùng D10	Kg	Việt Nam	200	32.500	6.500.000	8%	7.020.000	2024-2026
339	Long đen D10	Cái	Việt Nam	200	1.000	200.000	8%	216.000	2024-2026
340	Bản lề cửa	Bộ	Việt Nam	50	17.000	850.000	8%	918.000	2024-2026
341	Nữ sắt D12x10	Chiếc	Việt Nam	200	7.000	1.400.000	8%	1.512.000	2024-2026
342	Cụm gối đỡ trục cuộn bột UCP206	Chiếc	Trung Quốc	10	156.000	1.560.000	8%	1.684.800	2024-2026
343	Ổng cao su chịu dầu Φ75	Mét	Việt Nam	30	1.397.000	41.910.000	8%	45.262.800	2024-2026
344	Ổng cao su chịu nhiệt Φ90	Mét	Việt Nam	30	1.400.000	42.000.000	8%	45.360.000	2024-2026
345	Ổng nhựa lõi thép Φ60	Mét	Việt Nam	30	98.000	2.940.000	8%	3.175.200	2024-2026
346	Ổng nhựa lõi thép Φ48	Mét	Việt Nam	30	70.000	2.100.000	8%	2.268.000	2024-2026
347	Ổng nhựa lõi thép Φ42	Mét	Việt Nam	30	68.800	2.064.000	8%	2.229.120	2024-2026
348	Ổng nhựa xoắn Φ30	Mét	Việt Nam	100	11.475	1.147.500	8%	1.239.300	2024-2026
349	Ổng nối đồng Φ95	Cái	Việt Nam	50	32.000	1.600.000	10%	1.760.000	2024-2026
350	Ổng nối nhôm Φ185	Cái	Việt Nam	50	68.200	3.410.000	10%	3.751.000	2024-2026
351	Ổng nối nhôm Φ95	Cái	Việt Nam	50	25.000	1.250.000	10%	1.375.000	2024-2026
352	Ổng sun Φ20	Cuốn	Việt Nam	20	180.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
353	Ổng sun Φ40	Mét	Việt Nam	200	26.000	5.200.000	8%	5.616.000	2024-2026
354	Rơ le 5 chân	Cái	Việt Nam	200	89.000	17.800.000	8%	19.224.000	2024-2026
355	Dây curoa 8PK1365	Sợi	Trung quốc	10	675.000	6.750.000	8%	7.290.000	2024-2026
356	Dây curoa động cơ 9600	Sợi	Trung quốc	10	330.000	3.300.000	8%	3.564.000	2024-2026
357	Dây curoa máy lạnh 6430	Sợi	Trung quốc	10	95.000	950.000	8%	1.026.000	2024-2026
358	Dây curoa máy lạnh 8340	Sợi	Trung quốc	10	122.000	1.220.000	8%	1.317.600	2024-2026
359	Dây curoa máy lạnh 8350	Sợi	Trung quốc	10	130.000	1.300.000	8%	1.404.000	2024-2026
360	Dây curoa máy lạnh 8370	Sợi	Trung quốc	10	145.000	1.450.000	8%	1.566.000	2024-2026
361	Dây curoa máy phát 1290	Sợi	Trung quốc	10	85.000	850.000	8%	918.000	2024-2026
362	Dây curoa máy phát 1300	Sợi	Trung quốc	10	87.000	870.000	8%	939.600	2024-2026
363	Dây curoa máy phát 1310	Sợi	Trung quốc	10	98.000	980.000	8%	1.058.400	2024-2026
364	Dây curoa máy phát 6390	Sợi	Trung quốc	10	140.000	1.400.000	8%	1.512.000	2024-2026
365	Đồng hồ đo đầu Fillrite - Mỹ 901CL	chiếc	Mỹ	2	14.000.000	28.000.000	8%	30.240.000	2024-2026
366	Dây Thít 10cm	Túi	Việt Nam	30	35.000	1.050.000	8%	1.134.000	2024-2026
367	Dây Thít 20cm	Túi	Việt Nam	30	52.500	1.575.000	8%	1.701.000	2024-2026
368	Dây Thít 25cm	Túi	Việt Nam	30	55.000	1.650.000	8%	1.782.000	2024-2026
369	Dây Thít 30cm	Túi	Việt Nam	30	60.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
370	Dây Thít 35cm	Túi	Việt Nam	30	70.000	2.100.000	8%	2.268.000	2024-2026
371	Sơn chống rỉ 3kg các màu	Kg	Việt Nam	300	134.200	40.260.000	8%	43.480.800	2024-2026
372	Nút ấn On /Off	Cái	Việt Nam	50	60.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
373	Át khối panasonic AT20A	Cái	Việt Nam	50	103.000	5.150.000	8%	5.562.000	2024-2026
374	Đèn lùi màu vàng	Cái	Việt Nam	30	165.000	4.950.000	8%	5.346.000	2024-2026
375	Đèn lùi màu trắng	Cái	Việt Nam	30	165.000	4.950.000	8%	5.346.000	2024-2026
376	Phích cắm lõi sứ 6000W - cảm PC6000/P6C	Cái	Việt Nam	100	31.200	3.120.000	8%	3.369.600	2024-2026
377	Ổ cắm đơn Panasonic wide -WEV1081- 7SW	Cái	Việt Nam	50	74.400	3.720.000	8%	4.017.600	2024-2026
378	Ổ cắm đơn Panasonic wide -WEV1181- 7SW	Cái	Việt Nam	50	127.800	6.390.000	8%	6.901.200	2024-2026
379	Van bi Inox DN 50	Cái	Việt Nam	20	690.000	13.800.000	8%	14.904.000	2024-2026
380	Van cánh cửa cao su thường DN 200	Cái	Việt Nam	3	5.700.000	17.100.000	8%	18.468.000	2024-2026

381	Ông ren 2 đầu L = 500 -DN50	Cái	Việt Nam	10	360.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
382	Asttomat Hyundai HGM800S 800A - 3F	Cái	Việt Nam	3	19.800.000	59.400.000	8%	64.152.000	2024-2026
383	Cáp điện 3x6+1x4 (Mét)	Mét	Việt Nam	50	195.000	9.750.000	8%	10.530.000	2024-2026
384	Cáp điện 3x4+1x2,5 (mét)	Mét	Việt Nam	50	136.500	6.825.000	8%	7.371.000	2024-2026
385	Cáp hàn 1x50	Mét	Việt Nam	50	325.000	16.250.000	8%	17.550.000	2024-2026
386	Súng xịt khô	Cái	Trung quốc	20	125.000	2.500.000	8%	2.700.000	2024-2026
387	Quai nhè phi 175	Cái	Việt Nam	50	75.000	3.750.000	8%	4.050.000	2024-2026
388	Quai nhè phi 180	Cái	Việt Nam	50	90.000	4.500.000	8%	4.860.000	2024-2026
389	Quai nhè phi 190	Cái	Việt Nam	50	100.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
390	Bộ khâu 1/4 46 pcs sinomax	Bộ	Việt Nam	5	312.500	1.562.500	8%	1.687.500	2024-2026
391	Sên bơm 9	Cái	Việt Nam	2	6.880.000	13.760.000	8%	14.860.800	2024-2026
392	Mũi Khoan fi 14	Cái	Việt Nam	20	360.000	7.200.000	8%	7.776.000	2024-2026
393	Quạt sắt đen 200x200	Cái	Việt Nam	5	540.000	2.700.000	8%	2.916.000	2024-2026
394	Sơn hộp 0,8 kg	Lọ	Việt Nam	30	170.000	5.100.000	8%	5.508.000	2024-2026
395	Lọc gió MP	Cái	Việt Nam	10	325.000	3.250.000	8%	3.510.000	2024-2026
396	Đầu bơm áp lực Nk-3058	Cái	Việt Nam	3	3.050.000	9.150.000	8%	9.882.000	2024-2026
397	Tụ điện 2/220V	Cái	Việt Nam	10	62.500	625.000	8%	675.000	2024-2026
398	Tấm cao su chắn bùn 1m	Tấm	Việt Nam	5	340.000	1.700.000	8%	1.836.000	2024-2026
399	Ông bơm vải bạt loại dây phi 100	Mét	Việt Nam	200	111.600	22.320.000	8%	24.105.600	2024-2026
400	Cờ lê phi 16	Cái	Việt Nam	20	275.000	5.500.000	8%	5.940.000	2024-2026
401	Cờ lê phi 12	Cái	Việt Nam	20	137.500	2.750.000	8%	2.970.000	2024-2026
402	Cờ lê phi 9	Cái	Việt Nam	20	100.000	2.000.000	8%	2.160.000	2024-2026
403	Cờ lê phi 17	Cái	Việt Nam	20	305.000	6.100.000	8%	6.588.000	2024-2026
404	Cờ lê phi 19	Cái	Việt Nam	20	325.000	6.500.000	8%	7.020.000	2024-2026
405	Cờ lê phi 24	Cái	Việt Nam	20	354.000	7.080.000	8%	7.646.400	2024-2026
406	Cờ lê phi 27	Cái	Việt Nam	20	365.000	7.300.000	8%	7.884.000	2024-2026
407	Bộ cờ lê Yeti 8-32mm	Bộ	Việt Nam	5	725.000	3.625.000	8%	3.915.000	2024-2026
408	Bộ cờ lê yeti 8-24mm	Bộ	Việt Nam	5	482.500	2.412.500	8%	2.605.500	2024-2026
409	Quạt TG tròn SVF40	Cái	Việt Nam	5	2.225.000	11.125.000	8%	12.015.000	2024-2026
410	Dây cáp điện vặn xoắn nhôm 4x185	Mét	Việt Nam	1000	290.000	290.000.000	10%	319.000.000	2024-2026
411	Đầu nổ TQ 30 HP	Cái	Trung Quốc	2	27.770.000	55.540.000	8%	59.983.200	2024-2026
412	Cổ hút 30	Cái	Trung Quốc	3	575.000	1.725.000	8%	1.863.000	2024-2026
413	Cổ xả	Cái	Trung Quốc	3	500.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026
414	Nắp ca bó	Cái	Trung Quốc	3	550.000	1.650.000	8%	1.782.000	2024-2026
415	Liềm cắt cỏ	Cái	Việt Nam	3	75.000	225.000	8%	243.000	2024-2026
416	Dao chặt	Cái	Việt Nam	10	175.000	1.750.000	8%	1.890.000	2024-2026
417	Ông nhựa HDPE phi 90 (sun vàng)	Mét	Việt Nam	200	143.250	28.650.000	8%	30.942.000	2024-2026
418	Bộ củ đề máy nổ HP 30	Cái	Trung Quốc	2	2.625.000	5.250.000	8%	5.670.000	2024-2026
419	Dây súng bơm hơi loại 3m	Dây	Trung quốc	30	125.000	3.750.000	8%	4.050.000	2024-2026
420	Đồng hồ V500 Vuông	Cái	Việt Nam	5	250.000	1.250.000	8%	1.350.000	2024-2026
421	Đồng hồ A100/5 Vuông	Cái	Việt Nam	5	250.000	1.250.000	8%	1.350.000	2024-2026
422	Palang xích kéo tay (1000kg)	Bộ	Việt Nam	3	2.800.000	8.400.000	8%	9.072.000	2024-2026
423	Palang xích lắc tay (1000 kg)	Bộ	Việt Nam	3	2.800.000	8.400.000	8%	9.072.000	2024-2026
424	Bộ Xích cầu 3,5m (7 -10 tấn)	Bộ	Việt Nam	3	3.276.000	9.828.000	8%	10.614.240	2024-2026
425	Dây cáp điện vặn xoắn nhôm 4x185	Mét	Việt Nam	200	83.250	16.650.000	10%	18.315.000	2024-2026
426	Ông nhựa gân xoắn HDPE 25/32	Mét	Việt Nam	200	48.800	9.760.000	8%	10.540.800	2024-2026
427	Tủ điện ngoài trời 800x1000	Chiếc	Việt Nam	5	5.580.000	27.900.000	8%	30.132.000	2024-2026
428	Ông cao su chịu nhiệt lõi thép P75	Mét	Việt Nam	10	2.200.000	22.000.000	8%	23.760.000	2024-2026
429	Ông cao su lõi thép P25	Mét	Việt Nam	5	1.500.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
430	Rơ le nhiệt LS 3 pha MC 32A/220V	Cái	Việt Nam	5	1.749.000	8.745.000	8%	9.444.600	2024-2026
431	Quạt treo tường	Cái	Việt Nam	5	978.000	4.890.000	8%	5.281.200	2024-2026
432	Tủ điện nối 60x40x18	Cái	Việt Nam	10	1.157.200	11.572.000	8%	12.497.760	2024-2026
433	Van gat đồng 1"/PN10	Cái	Việt Nam	10	220.000	2.200.000	8%	2.376.000	2024-2026
434	Van gat đồng 1/4"	Cái	Việt Nam	10	70.000	700.000	8%	756.000	2024-2026
435	Ông nhựa lõi thép fi 110	Mét	Việt Nam	30	425.000	12.750.000	8%	13.770.000	2024-2026
436	Tuýp bộ khâu 46	Cái	Việt Nam	10	1.680.000	16.800.000	8%	18.144.000	2024-2026
437	Ông ren kẽm 1 đầu P100x100	Cái	Việt Nam	10	336.000	3.360.000	8%	3.628.800	2024-2026
438	Khởi động từ LS 3 pha 220A	Cái	Việt Nam	10	1.749.000	17.490.000	8%	18.889.200	2024-2026
439	Khớp nối nhôm D150	Cái	Việt Nam	10	1.564.000	15.640.000	8%	16.891.200	2024-2026
440	Bánh xe 200 quay + đứng	Cái	Việt Nam	10	450.000	4.500.000	8%	4.860.000	2024-2026
441	Gioăng chì đen 3 ly	Mét	Việt Nam	50	50.000	2.500.000	8%	2.700.000	2024-2026
442	Thiếc hàn xanh	Cuộn	Việt Nam	10	140.000	1.400.000	8%	1.512.000	2024-2026
443	Cầu dao 60 A /2 pha đảo chiều	Chiếc	Việt Nam	5	360.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
444	Phốt chắn mờ 140x160x8	Chiếc	Việt Nam	50	175.000	8.750.000	8%	9.450.000	2024-2026
445	Bóng đèn tròn sợi đốt 100W	Chiếc	Việt Nam	30	45.000	1.350.000	8%	1.458.000	2024-2026
446	Cáp nhựa lõi thép phi 10	Mét	Việt Nam	30	40.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2026
447	Bánh xe chiết chịu tải	Chiếc	Việt Nam	10	370.000	3.700.000	8%	3.996.000	2024-2026
448	Bánh xe quay khóa chịu tải	Chiếc	Việt Nam	10	440.000	4.400.000	8%	4.752.000	2024-2026
449	Bánh xe cao su phi 10	Chiếc	Việt Nam	10	120.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2026
450	Bảng tải bàn 80cm	Mét	Việt Nam	10	340.000	3.400.000	8%	3.672.000	2024-2026
451	Ổ cắm điện đôi	Cái	Việt Nam	30	55.000	1.650.000	8%	1.782.000	2024-2026
452	Ổ điện 4 lõi sứ -6000W - 4P601	Cái	Việt Nam	30	96.000	2.880.000	8%	3.110.400	2024-2026
453	Bánh xe nâng từ	Bộ	Việt Nam	10	660.000	6.600.000	8%	7.128.000	2024-2026
454	Bánh xe 350 - 40	Cái	Việt Nam	10	375.000	3.750.000	8%	4.050.000	2024-2026
455	Bánh xe 250 - 4	Cái	Việt Nam	10	187.500	1.875.000	8%	2.025.000	2024-2026
456	Bánh xe quy 100	Cái	Việt Nam	10	187.500	1.875.000	8%	2.025.000	2024-2026
457	Bánh xe đứng 100	Cái	Việt Nam	10	187.500	1.875.000	8%	2.025.000	2024-2026
458	Cút nối ren 34 vuông	Cái	Việt Nam	30	52.500	1.575.000	8%	1.701.000	2024-2026
459	Máy khoan Bos	Bộ	Việt Nam	3	2.375.000	7.125.000	8%	7.695.000	2024-2026
460	Vòng bi đĩa NU 212	Vòng	Việt Nam	5	720.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026

461	Cáp cầu vôi 1 tấn x 2m	Sợi	Việt Nam	5	180.000	900.000	8%	972.000	2024-2026
462	Cáp cầu vôi 2 tấn x 3m	Sợi	Việt Nam	5	270.000	1.350.000	8%	1.458.000	2024-2026
463	Cáp cầu vôi 5 tấn x 5m	Sợi	Việt Nam	5	780.000	3.900.000	8%	4.212.000	2024-2026
464	Khởi động từ LS MC 75A 380V	Cái	Việt Nam	5	2.728.000	13.640.000	8%	14.731.200	2024-2026
465	Attomat LS ABN 52c 50A 30Ka	Cái	Việt Nam	10	1.192.500	11.925.000	8%	12.879.000	2024-2026
466	Attomat LS không tự động qua tải EBN 200C	Cái	Việt Nam	5	6.947.600	34.738.000	8%	37.517.040	2024-2026
467	Tủ điện khởi động động cơ 30 mã (tủ điện 30 mã/450V)	Cái	Việt Nam	5	250.000	1.250.000	8%	1.350.000	2024-2026
468	Tủ điện đôi 40x30x15	Cái	Việt Nam	10	720.000	7.200.000	8%	7.776.000	2024-2026
469	Tủ điện nổi 30x20x10	Cái	Việt Nam	10	360.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
470	Bơm xe đạp	Cái	Việt Nam	5	200.000	1.000.000	8%	1.080.000	2024-2026
471	Attomat LS 5 pha không tự động EBN 100C	Cái	Việt Nam	5	3.312.500	16.562.500	8%	17.887.500	2024-2026
472	Dây cu roa 8540	Cái	Trung quốc	10	180.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
473	Dây cu roa 8430	Cái	Trung quốc	15	160.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
474	Dây curoa 6410	Cái	Trung quốc	15	160.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
475	Dây curoa 6450	Cái	Trung quốc	15	120.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
476	Dây curoa 6460	Cái	Trung quốc	15	140.000	2.100.000	8%	2.268.000	2024-2026
477	Bóng đèn led lá 150 W	Cái	Việt Nam	30	2.970.000	89.100.000	8%	96.228.000	2024-2026
478	Pin panasonic 9v loại vuông	Cái	Việt Nam	30	45.000	1.350.000	8%	1.458.000	2024-2026
479	Khóa nước đồng DN15	Cái	Việt Nam	20	150.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
480	Khóa nước HDPE P32	Cái	Việt Nam	10	275.000	2.750.000	8%	2.970.000	2024-2026
481	Vòng bi 6203 (vòng)	Vòng	Việt Nam	30	160.000	4.800.000	8%	5.184.000	2024-2026
482	Thước mét loại 7m	Cái	Việt Nam	10	105.000	1.050.000	8%	1.134.000	2024-2026
483	Van inox phi 110	Mét	Việt Nam	5	4.320.000	21.600.000	8%	23.328.000	2024-2026
484	Đèn chiếu pha Rạng đồng DCP06L/200W, AS Trắng (1 cái / 1 thùng)	Cái	Việt Nam	25	1.462.000	36.550.000	8%	39.474.000	2024-2026
485	Đèn chiếu pha Rạng đồng D CP06L/200W, AS Trắng (1 cái / 1 thùng)	Cái	Việt Nam	25	3.262.000	81.550.000	8%	88.074.000	2024-2026
486	Đầu nổ văng đi ga	Cái	Trung Quốc	10	120.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2026
487	Bulong 20x150 ren suốt	Bộ	Việt Nam	500	64.875	32.437.500	8%	35.032.500	2024-2026
488	Bulong 18x150 ren suốt	Bộ	Việt Nam	500	48.750	24.375.000	8%	26.325.000	2024-2026
489	Bulong 16x120 ren suốt	Bộ	Việt Nam	500	31.875	15.937.500	8%	17.212.500	2024-2026
490	Bulong chịu lực 16x50	Bộ	Việt Nam	500	48.000	24.000.000	8%	25.920.000	2024-2026
491	Bulong chịu lực 16x60	Bộ	Việt Nam	500	60.000	30.000.000	8%	32.400.000	2024-2026
492	Rơ le 4 chân	Cái	Việt Nam	200	62.500	12.500.000	8%	13.500.000	2024-2026
493	Cút nối nhanh phi 12	Cái	Việt Nam	300	18.000	5.400.000	8%	5.832.000	2024-2026
494	Cút nối nhanh phi 4	Cái	Việt Nam	300	11.200	3.360.000	8%	3.628.800	2024-2026
495	Biến dòng TI	Cái	Việt Nam	5	225.000	1.125.000	8%	1.215.000	2024-2026
496	Tuýp khâu phi 14	Cái	Việt Nam	30	24.000	720.000	8%	777.600	2024-2026
497	Tuýp khâu phi 17	Cái	Việt Nam	30	42.000	1.260.000	8%	1.360.800	2024-2026
498	Tuýp khâu phi 19	Cái	Việt Nam	30	60.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
499	Khởi động từ LS MT 95 -75 A	Cái	Việt Nam	10	1.650.000	16.500.000	8%	17.820.000	2024-2026
500	Chíp TG vàng	Cái	Trung Quốc	50	77.500	3.875.000	8%	4.185.000	2024-2026
501	Đệm TG	Cái	Trung Quốc	50	67.500	3.375.000	8%	3.645.000	2024-2026
502	Ốc chíp	Cái	Trung Quốc	50	57.500	2.875.000	8%	3.105.000	2024-2026
503	Chíp cắt	Cái	Trung Quốc	50	157.500	7.875.000	8%	8.505.000	2024-2026
504	Mũi khoan Phi 6	Cái	Việt Nam	25	88.000	2.200.000	8%	2.376.000	2024-2026
505	Mũi khoan Phi 8	Cái	Việt Nam	25	140.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
506	Mũi khoan Phi 10	Cái	Việt Nam	25	240.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
507	Mũi khoan Phi 12	Cái	Việt Nam	25	340.000	8.500.000	8%	9.180.000	2024-2026
508	Mũi khoan Phi 20	Cái	Việt Nam	25	520.000	13.000.000	8%	14.040.000	2024-2026
509	Mũi khoan Phi 24	Cái	Việt Nam	20	700.000	14.000.000	8%	15.120.000	2024-2026
510	Bulong Phi 8x150	Bộ	Việt Nam	500	20.000	10.000.000	8%	10.800.000	2024-2026
511	Thước cặp 300 MM	Chiếc	Việt Nam	5	1.400.000	7.000.000	8%	7.560.000	2024-2026
512	Bộ nối hơi 1/2 Phi 12	Chiếc	Việt Nam	20	405.000	8.100.000	8%	8.748.000	2024-2026
513	Bộ nối hơi 3/4 Phi 12	Chiếc	Việt Nam	20	1.100.000	22.000.000	8%	23.760.000	2024-2026
514	Cầu dao 100A 3 pha đảo chiều	Chiếc	Việt Nam	5	1.275.000	6.375.000	8%	6.885.000	2024-2026
515	Dây curoa 8600	Chiếc	Trung quốc	15	162.500	2.437.500	8%	2.632.500	2024-2026
516	Dây curoa 9620	Chiếc	Trung quốc	15	250.000	3.750.000	8%	4.050.000	2024-2026
517	Rơ le nhiệt LS MT-63 42(34-50)A	Cái	Việt Nam	5	920.000	4.600.000	8%	4.968.000	2024-2026
518	Attomat LS (Cầu dao điện tự động) LA03	Cái	Việt Nam	5	152.000	760.000	8%	820.800	2024-2026
519	Khởi động từ LS MC-50A 380V	Cái	Việt Nam	5	1.980.000	9.900.000	8%	10.692.000	2024-2026
520	Keo vá lốp	Lọ	Việt Nam	10	360.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
521	Máng đi dây điện	Mét	Việt Nam	30	80.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
522	Đề từ động hồ sơ	Cái	Việt Nam	5	540.000	2.700.000	8%	2.916.000	2024-2026
523	Chíp tiện TNMG 1604 R04 hướng trái (Tungalay T16 TNMG160404L-S -T9215)	Cái	Việt Nam	50	150.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
524	Chíp tiện TNMG 1604 R04 hướng phải (Tungalay T16 TNMG160404R-S -T9215)	Cái	Việt Nam	50	150.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
525	Chíp tiện TNMG 1604 R08 hướng phải (Tungalay T16 TNMG160408R-S -T9215)	Cái	Việt Nam	50	150.000	7.500.000	8%	8.100.000	2024-2026
526	Cán dao tiện T16 25x25 hướng giữa (T16 Cán 25x25 Thăng (WTEEN2525M16)	Cái	Việt Nam	10	240.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
527	Cán dao tiện T16 25x25 hướng phải (T16 Cán 25x25 Phải (WTJNR2525M16)	Cái	Việt Nam	10	240.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
528	Cán dao cắt 4mm (Cắt MGEHR2525-4)	Cái	Việt Nam	10	240.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
529	Cán dao mộc T16 phi 20 (T16 Móc lỗ phi 20 góc 95độ (S20R-MTJNR16)	Cái	Việt Nam	10	250.000	2.500.000	8%	2.700.000	2024-2026
530	Đệm cán ngoài T16 (Đệm T16 (MT1603)	Cái	Việt Nam	50	30.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026
531	Vít 510 lắp cán lỗ T16 không đệm (Vít 2 mặt CTM510 (móc T16)	Cái	Việt Nam	50	30.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026

532	Cán dao cắt 3mm (Cắt MGEHR2525-3)	Cái	Việt Nam	10	250.000	2.500.000	8%	2.700.000	2024-2026
533	Xà beng	Cái	Việt Nam	10	260.000	2.600.000	8%	2.808.000	2024-2026
534	Công tắc cò mic	Cái	Việt Nam	50	70.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
535	Cách điện cò mic	Cái	Việt Nam	50	35.000	1.750.000	8%	1.890.000	2024-2026
536	Đầu nối bếp hàn mic	Cái	Việt Nam	50	65.000	3.250.000	8%	3.510.000	2024-2026
537	Bánh xe tải dây hàn mic	Cái	Việt Nam	50	100.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
538	Vòng bi 6300	Cái	Việt Nam	100	60.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
539	Van điện từ rửa hàn mic	Cái	Việt Nam	50	450.000	22.500.000	8%	24.300.000	2024-2026
540	Dây ga , oxy	Mét	Việt Nam	500	45.000	22.500.000	8%	24.300.000	2024-2026
541	Mỏ cắt khí oxy ga loại vuông	Cái	Việt Nam	5	1.875.000	9.375.000	8%	10.125.000	2024-2026
542	Mỏ cắt khí oxy ga loại thẳng	Cái	Việt Nam	5	1.875.000	9.375.000	8%	10.125.000	2024-2026
543	Đồng hồ Actylen	Bộ	Việt Nam	10	405.000	4.050.000	8%	4.374.000	2024-2026
544	Đồng hồ oxy	Bộ	Việt Nam	10	405.000	4.050.000	8%	4.374.000	2024-2026
545	Đồng hồ ga	Bộ	Việt Nam	10	405.000	4.050.000	8%	4.374.000	2024-2026
546	Đầu kẹp dây hàn điện	Cái	Việt Nam	30	200.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026
547	Dây cò mic loại 3,5m	Dây	Việt Nam	10	2.150.000	21.500.000	8%	23.220.000	2024-2026
548	Dây cò mic loại 5,5m	Dây	Việt Nam	10	2.875.000	28.750.000	8%	31.050.000	2024-2026
549	Ruột gà dây hàn mic 3,5	Mét	Việt Nam	30	100.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
550	Ruột gà dây hàn mic 5,5	Mét	Việt Nam	30	112.500	3.375.000	8%	3.645.000	2024-2026
551	Đá mài giáp đánh bóng phi 100	Viên	Việt Nam	50	24.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2026
552	Bộ góc lười gầu máy xúc với 0 3400x450	Bộ	Việt Nam	2	27.072.000	54.144.000	8%	58.475.520	2024-2026
553	Bu lông 24x90 (10.9)	Bộ	Việt Nam	10	110.000	1.100.000	8%	1.188.000	2024-2026
554	Ổng nước HDPE phi 40	Mét	Việt Nam	100	45.000	4.500.000	8%	4.860.000	2024-2026
555	Máy ép cốt thủy lực dùng pin EZS-400	Bộ	Việt Nam	2	15.640.000	31.280.000	8%	33.782.400	2024-2026
556	Bulong lười gầu M20x80x2.5	Bộ	Việt Nam	100	159.000	15.900.000	8%	17.172.000	2024-2026
557	Bàn lề thùng xe 100x100x15	Bộ	Việt Nam	50	50.000	2.500.000	8%	2.700.000	2024-2026
558	Bơm tăng áp GRS12-8.5-Z	Cái	Việt Nam	5	1.975.000	9.875.000	8%	10.665.000	2024-2026
559	Quạt TG tròn SVF50	Cái	Việt Nam	5	3.030.000	15.150.000	8%	16.362.000	2024-2026
560	Ổng ren phi 76x70mm	Cái	Việt Nam	10	150.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026
561	Đồng hồ C02	Cái	Việt Nam	10	1.200.000	12.000.000	8%	12.960.000	2024-2026
562	Cáp điện CV 1x240	Mét	Việt Nam	10	1.380.000	13.800.000	8%	14.904.000	2024-2026
563	Phao điện Nagaki	Cái	Việt Nam	10	330.000	3.300.000	8%	3.564.000	2024-2026
564	Ổng PE DISMY 100 40x2.4 PN 10	Mét	Việt Nam	30	66.000	1.980.000	8%	2.138.400	2024-2026
565	Miếng vá sẫm 115x115	Cái	Việt Nam	100	63.000	6.300.000	8%	6.804.000	2024-2026
566	Cáp hàn 1x35	Mét	Việt Nam	50	159.500	7.975.000	8%	8.613.000	2024-2026
567	Ro gang DN-300	Cái	Việt Nam	3	6.200.000	18.600.000	8%	20.088.000	2024-2026
568	Tụ điện 24V-220W	Cái	Việt Nam	5	1.400.000	7.000.000	8%	7.560.000	2024-2026
569	Lưỡi cưa cắt gỗ phi 100	Cái	Việt Nam	10	150.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026
570	Lưỡi cưa cắt gỗ phi 125	Cái	Việt Nam	10	240.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
571	Đầu cốt đồng Ø185	Cái	Việt Nam	100	65.000	6.500.000	10%	7.150.000	2024-2026
572	Van cửa đồng VIWA 32Pn 10	Cái	Việt Nam	50	425.000	21.250.000	10%	23.375.000	2024-2026
573	Cần 140x5x250	Cái	Việt Nam	50	302.000	15.100.000	8%	16.308.000	2024-2026
574	Cần 140x3x250	Cái	Việt Nam	50	278.000	13.900.000	8%	15.012.000	2024-2026
575	Cần 115x3x220	Cái	Việt Nam	50	220.000	11.000.000	8%	11.880.000	2024-2026
576	Cần 115x5x220	Cái	Việt Nam	50	217.000	10.850.000	8%	11.718.000	2024-2026
577	Máy siết bu lông dùng pin (19mm)(140v max) - TW001CM201	Cái	Việt Nam	2	27.000.000	54.000.000	8%	58.320.000	2024-2026
578	Máy siết bu lông dùng pin (12.7MMBL)(18V)-DTW700RTJ	Cái	Trung Quốc	2	25.500.000	51.000.000	8%	55.080.000	2024-2026
579	Máy bắt vít dùng pin (BL)(18V) Model DTD173RTJ	Cái	Trung Quốc	2	18.920.000	37.840.000	8%	40.867.200	2024-2026
580	Máy mài góc dùng pin (100mm)(18v) Model: DGA408RTJ1	Cái	Trung Quốc	2	18.420.000	36.840.000	8%	39.787.200	2024-2026
581	Lam 450mm	Cái	Trung Quốc	5	954.000	4.770.000	8%	5.151.600	2024-2026
582	Lưỡi cưa xích hiệu SUNIL 91FOP	Sợi	Trung Quốc	5	553.000	2.765.000	8%	2.986.200	2024-2026
583	Máy bơm Ebara DW0300/380V	Cái	Ý	1	25.400.000	25.400.000	8%	27.432.000	2024-2026
584	Đồng hồ vạn năng Kyoritsu 1110S	Cái	Thái Lan	3	5.586.000	16.758.000	8%	18.098.640	2024-2026
585	Cầu giao nạp dao cắt 5 pa 5 cực 200A 660V	Hộp	Việt Nam	3	5.357.000	16.071.000	8%	17.356.680	2024-2026
586	Ổng zem kẽm phi 60	Ổng	Việt Nam	5	170.000	850.000	8%	918.000	2024-2026
587	Phốt chắn mỡ 160x180	Cái	Việt Nam	5	600.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
588	Cầu chì sứ	Cái	Việt Nam	5	350.000	1.750.000	8%	1.890.000	2024-2026
589	Vỏ cầu chì	Cái	Việt Nam	5	180.000	900.000	8%	972.000	2024-2026
590	Vòng bi 6006	Cái	Việt Nam	5	300.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2026
591	Kim kyoritsu 2002Pa	Cái	Thái Lan	3	5.586.000	16.758.000	8%	18.098.640	2024-2026
592	Nhựa mika trong 6mm 1.22x3m	Mét	Việt Nam	20	1.500.000	30.000.000	8%	32.400.000	2024-2026
593	Phần đá cơ khí	Hộp	Việt Nam	20	250.000	5.000.000	8%	5.400.000	2024-2026
594	Đồng hồ C02 36V	Cái	Trung Quốc	5	780.000	3.900.000	8%	4.212.000	2024-2026
595	Đầu cốt đồng 4	Cái	Việt Nam	400	9.000	3.600.000	10%	3.960.000	2024-2026
596	Đầu cốt đồng 6	Cái	Việt Nam	400	11.000	4.400.000	10%	4.840.000	2024-2026
597	Đầu cốt đồng 10	Cái	Việt Nam	400	12.000	4.800.000	10%	5.280.000	2024-2026
598	Đầu cốt đồng 16	Cái	Việt Nam	400	14.500	5.800.000	10%	6.380.000	2024-2026
599	Mũi khoan thép 4-32 loại đẹp	Cái	Việt Nam	10	240.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
600	Lọc dầu hộp số (4120004492)	Cái	Trung Quốc	10	3.600.000	36.000.000	8%	38.880.000	2024-2026
601	Lõi lọc tay chang thủy lực 4120001954001	Cái	Trung Quốc	10	1.206.000	12.060.000	8%	13.024.800	2024-2026
602	Lọc thủy lực	Cái	Trung Quốc	5	4.500.000	22.500.000	8%	24.300.000	2024-2026
603	Nhựa bakelite dạng tấm 1000x2000x15mm (Tấm phíp 1000x2000x15mm)	Tấm	Việt Nam	3	8.540.000	25.620.000	8%	27.669.600	2024-2026
604	Đui sứ E40	Cái	Việt Nam	30	120.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
605	Vòng bi 6202	Vòng	Việt Nam	30	160.000	4.800.000	8%	5.184.000	2024-2026
606	Cây trúc 4m	Cây	Việt Nam	60	100.000	6.000.000	8%	6.480.000	2024-2026

607	Buly phi 4v	Cái	Việt Nam	20	105.000	2.100.000	8%	2.268.000	2024-2026
608	Phốt lò xo xịn 32x52x8	Cái	Việt Nam	15	240.000	3.600.000	8%	3.888.000	2024-2026
609	Bulong 30x250 kèm long đen	Bộ	Việt Nam	50	400.000	20.000.000	8%	21.600.000	2024-2026
610	Vít bản tôn 6cm	túi	Việt Nam	20	260.000	5.200.000	8%	5.616.000	2024-2026
611	Bóng đèn sợi đốt 300 E40	Cái	Việt Nam	20	144.000	2.880.000	8%	3.110.400	2024-2026
612	Khởi động từ LS 9A -220V	Cái	Việt Nam	5	760.000	3.800.000	8%	4.104.000	2024-2026
613	Đầu cốt đồng 2,5	cái	Việt Nam	400	7.000	2.800.000	10%	3.080.000	2024-2026
614	A xit tôn pha sơn	lít	Việt Nam	100	80.000	8.000.000	8%	8.640.000	2024-2026
615	Khẩu 3/4 -24	Cái	Việt Nam	30	220.000	6.600.000	8%	7.128.000	2024-2026
616	Khẩu 3/4 -27	Cái	Việt Nam	30	220.000	6.600.000	8%	7.128.000	2024-2026
617	Khẩu 3/4 -32	Cái	Việt Nam	30	240.000	7.200.000	8%	7.776.000	2024-2026
618	Ống nhựa HDPE phi 63	Mét	Việt Nam	300	112.000	33.600.000	8%	36.288.000	2024-2026
619	Van khóa đồng phi 63	Cái	Việt Nam	10	735.000	7.350.000	8%	7.938.000	2024-2026
620	Cút nối ren ngoài nhựa HDPE phi 63	Cái	Việt Nam	30	106.000	3.180.000	8%	3.434.400	2024-2026
621	Phao cơ chống tràn phi 60 (DN 50)	Cái	Việt Nam	5	2.186.000	10.930.000	8%	11.804.400	2024-2026
622	Cút nối thẳng nhựa HDPE phi 63	Cái	Việt Nam	30	150.000	4.500.000	8%	4.860.000	2024-2026
623	Phốt 32x52x8	Cái	Việt Nam	20	400.000	8.000.000	8%	8.640.000	2024-2026
624	Dây tết mỡ phi 18cm	Kg	Việt Nam	200	270.000	54.000.000	8%	58.320.000	2024-2026
625	Hộp chụp attomat nhựa	Cái	Việt Nam	30	35.000	1.050.000	8%	1.134.000	2024-2026
626	Giấy ráp cuộn	Cuộn	Việt Nam	5	425.000	2.125.000	8%	2.295.000	2024-2026
627	Bộ tay bơm hơi thẳng kèm đồng hồ	Bộ	Việt Nam	5	335.000	1.675.000	8%	1.809.000	2024-2026
628	Nữ sắt phi 12	Bộ	Việt Nam	100	18.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
629	Vít sắt phi 6	Cái	Việt Nam	300	15.000	4.500.000	8%	4.860.000	2024-2026
630	Vít nở nhựa phi 6	Cái	Việt Nam	300	6.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
631	Mặt nạ hàn mic điện tử	Cái	Việt Nam	10	475.000	4.750.000	8%	5.130.000	2024-2026
632	Kim hàn ting nhôm màu xanh 2,4mm	Cái	Trung Quốc	50	70.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
633	Kim hàn ting inox màu đỏ 2,4mm	Cái	Trung Quốc	50	70.000	3.500.000	8%	3.780.000	2024-2026
634	Kẹp kim mô hafting WP-26	Cái	Trung Quốc	50	16.000	800.000	8%	864.000	2024-2026
635	Chụp kẹp kim mô WP-26 2,4mm	Cái	Trung Quốc	50	24.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2026
636	Chụp sứ số 6 mô WP-26	Cái	Trung Quốc	50	22.000	1.100.000	8%	1.188.000	2024-2026
637	Chụp sứ số 4 mô WP-26	Cái	Trung Quốc	50	22.000	1.100.000	8%	1.188.000	2024-2026
638	Que hàn bù ting inox ER308L 1,6mm	Kg	Việt Nam	20	325.000	6.500.000	8%	7.020.000	2024-2026
639	Dây điện cao su mềm 2x10	Mét	Việt Nam	50	186.000	9.300.000	8%	10.044.000	2024-2026
640	Ghíp nối điện phi 25	Cái	Việt Nam	50	45.000	2.250.000	8%	2.430.000	2024-2026
641	Đầu cốt đồng phi 1,5	Cái	Việt Nam	400	7.000	2.800.000	10%	3.080.000	2024-2026
642	Tô vít 4 cạnh	Cái	Việt Nam	50	51.000	2.550.000	8%	2.754.000	2024-2026
643	Tô vít 2 cạnh	Cái	Việt Nam	50	51.000	2.550.000	8%	2.754.000	2024-2026
644	Đầu cốt đồng phi 2,5	Cái	Việt Nam	400	7.000	2.800.000	10%	3.080.000	2024-2026
645	Đầu cốt đồng phi 70	Cái	Việt Nam	400	45.000	18.000.000	10%	19.800.000	2024-2026
646	Tô vít cách điện 1000V	Cái	Việt Nam	10	105.000	1.050.000	8%	1.134.000	2024-2026
647	Kim kẹp ắc quy loại to	Cái	Việt Nam	30	80.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
648	Ống cao su vải mềm phi 27 loại dày	Mét	Việt Nam	200	45.000	9.000.000	8%	9.720.000	2024-2026
649	Đồng hồ nạp ga	Bộ	Việt Nam	3	2.400.000	7.200.000	8%	7.776.000	2024-2026
650	Máy hút nén	Cái	Việt Nam	3	4.350.000	13.050.000	8%	14.094.000	2024-2026
651	Đầu nạp ga xanh	Cái	Việt Nam	3	390.000	1.170.000	8%	1.263.600	2024-2026
652	Bộ máy mài nhô và da mài từ chi tiết An Die Củ máy Kít 16cm	Bộ	Việt Nam	3	1.352.000	4.056.000	8%	4.380.480	2024-2026
653	Van đồng 1 chiều phi 76 (D65)	Cái	Việt Nam	3	1.616.000	4.848.000	8%	5.235.840	2024-2026
654	Ống ren kèm 1 đầu phi 76 (D65)	Cái	Việt Nam	15	135.000	2.025.000	8%	2.187.000	2024-2026
655	Bulong lục giác 8x80	Bộ	Việt Nam	20	30.000	600.000	8%	648.000	2024-2026
656	Vòng bi 6204	Vòng	Việt Nam	5	180.000	900.000	8%	972.000	2024-2026
657	Phễu nghiêng	Cái	Việt Nam	10	240.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
658	Phễu tròn	Cái	Việt Nam	10	340.000	3.400.000	8%	3.672.000	2024-2026
659	Xô inox 15 lít	Cái	Việt Nam	15	390.000	5.850.000	8%	6.318.000	2024-2026
660	Dây curoa 6400	Sợi	Trung Quốc	10	160.000	1.600.000	8%	1.728.000	2024-2026
661	Chổi sơn nhựa loại to	Cái	Việt Nam	50	48.000	2.400.000	8%	2.592.000	2024-2026
662	Dây ruroa 8560	Sợi	Trung Quốc	10	180.000	1.800.000	8%	1.944.000	2024-2026
663	Dây ruroa 6460	Sợi	Trung Quốc	10	140.000	1.400.000	8%	1.512.000	2024-2026
664	Bulong M16x90	Bộ	Việt Nam	400	38.000	15.200.000	8%	16.416.000	2024-2026
665	Rơ le điện máy nén khí	Cái	Việt Nam	5	270.000	1.350.000	8%	1.458.000	2024-2026
666	Bulong ren xoắn 20x160	Bộ	Việt Nam	400	45.000	18.000.000	8%	19.440.000	2024-2026
667	Công tắc cắt mát	Cái	Việt Nam	30	160.000	4.800.000	8%	5.184.000	2024-2026
668	Vòi nhựa 1/2	Cái	Việt Nam	20	45.000	900.000	8%	972.000	2024-2026
669	Bulong M16x80	Bộ	Việt Nam	500	17.000	8.500.000	8%	9.180.000	2024-2026
670	Ổ cắm điện 3 lỗ	Cái	Việt Nam	30	90.000	2.700.000	8%	2.916.000	2024-2026
671	Thước livo	Cái	Việt Nam	10	135.000	1.350.000	8%	1.458.000	2024-2026
672	Bulong M27x300	Bộ	Việt Nam	100	210.000	21.000.000	8%	22.680.000	2024-2026
673	Cút nối nhanh máy hàn phi 75-90	Cái	Việt Nam	30	160.000	4.800.000	8%	5.184.000	2024-2026
674	Attomat 20A	Cái	Việt Nam	30	180.000	5.400.000	8%	5.832.000	2024-2026
675	Attomat panasonic 30 A	Cái	Việt Nam	30	230.000	6.900.000	8%	7.452.000	2024-2026
676	Má phanh xúc lật	Cái	Trung Quốc	50	540.000	27.000.000	8%	29.160.000	2024-2026
677	Dây cáp lên kính	Mét	Việt Nam	50	16.000	800.000	8%	864.000	2024-2026
678	Bulong M10x50	Bộ	Việt Nam	500	8.000	4.000.000	8%	4.320.000	2024-2026
679	Bulong M20x250 kèm ống suốt	Bộ	Việt Nam	20	62.000	1.240.000	8%	1.339.200	2024-2026
680	Phốt 90x120x12	Cái	Việt Nam	10	110.000	1.100.000	8%	1.188.000	2024-2026
681	Ghen điện vuông 14x16	Cây	Việt Nam	20	45.000	900.000	8%	972.000	2024-2026
682	Kẹp kéo dây L6	Cái	Việt Nam	50	60.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
683	Ghíp đầu dây L6	Cái	Việt Nam	50	45.000	2.250.000	8%	2.430.000	2024-2026
684	Công tắc đèn xe oto loại 4 chân	Cái	Việt Nam	30	90.000	2.700.000	8%	2.916.000	2024-2026
685	Bộ tay quay dầu	Bộ	Việt Nam	5	460.000	2.300.000	8%	2.484.000	2024-2026
686	Bulong M14x120	Bộ	Việt Nam	400	48.000	19.200.000	8%	20.736.000	2024-2026

687	Bulong M16x70	Bộ	Việt Nam	200	15.000	3.000.000	8%	3.240.000	2024-2026
688	Van đồng MBV tay gạt phi 34	Cái	Việt Nam	10	500.000	5.000.000	10%	5.500.000	2024-2026
689	Đầu ren 1 đầu phi 34 đồng	Cái	Việt Nam	10	100.000	1.000.000	8%	1.080.000	2024-2026
690	Keo và xăm	Lọ	Trung Quốc	10	560.000	5.600.000	8%	6.048.000	2024-2026
Tổng cộng giá trước thuế						8.764.840.650			
Tổng cộng giá sau thuế								9.479.553.302	

(Bằng chữ : Chín tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm linh hai đồng./.)